



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cảng Cần Thơ

Ngày 30/09/2025	13,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	13.0%

DT thuần Q3/25
51.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.60 -3.0%
YoY: ▲ 15.1 42.1%

LN thuần Q3/25
1.92
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.23 13.7%
YoY: ▲ 0.21 12.4%

LN sau thuế Q3/25
1.54
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.78 103%
YoY: ▲ 0.18 13.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
4.2%
YoY: +/-▲ 0.5%

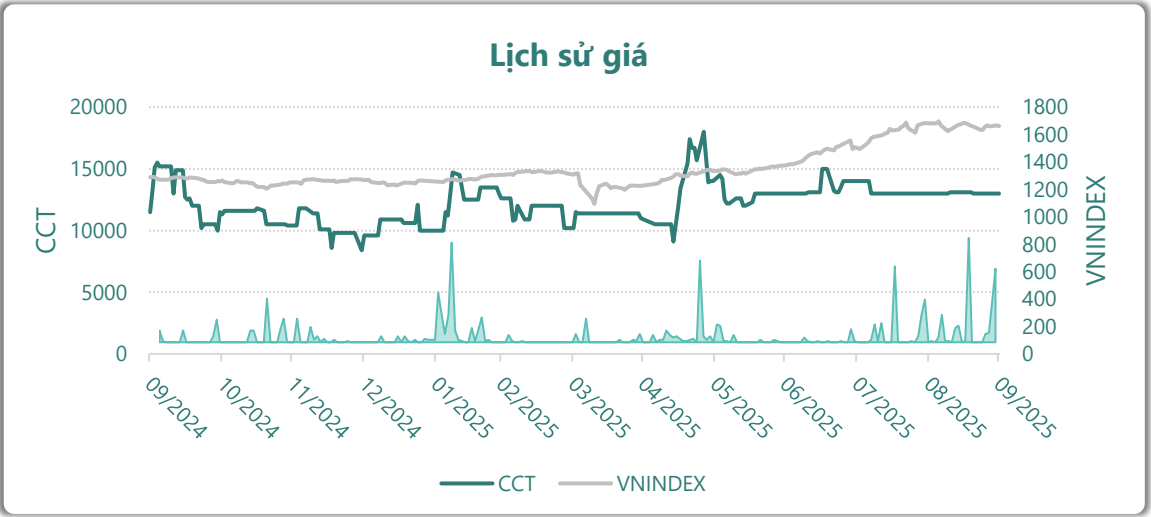
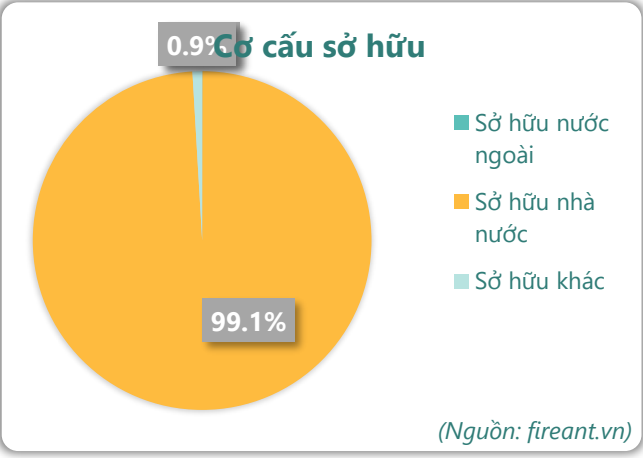
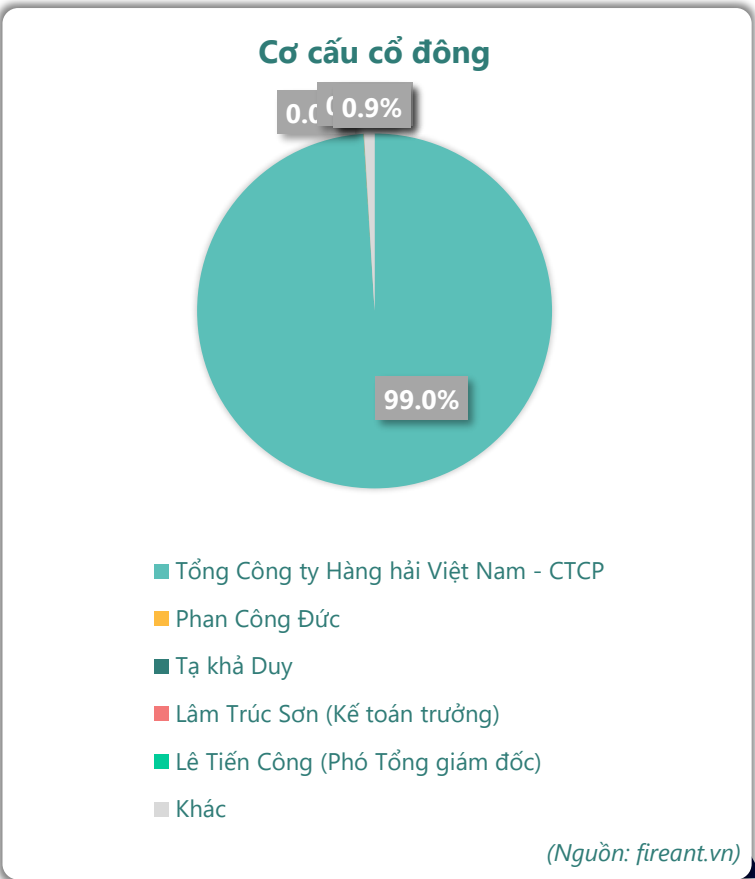
ROE (TTM) Q3/25
1.9%
YoY: +/-▲ 0.1%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,400 - 18,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	370
Số lượng CPLH (CP)	28,480,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	225
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.14
EPS	184
P/E	70.8

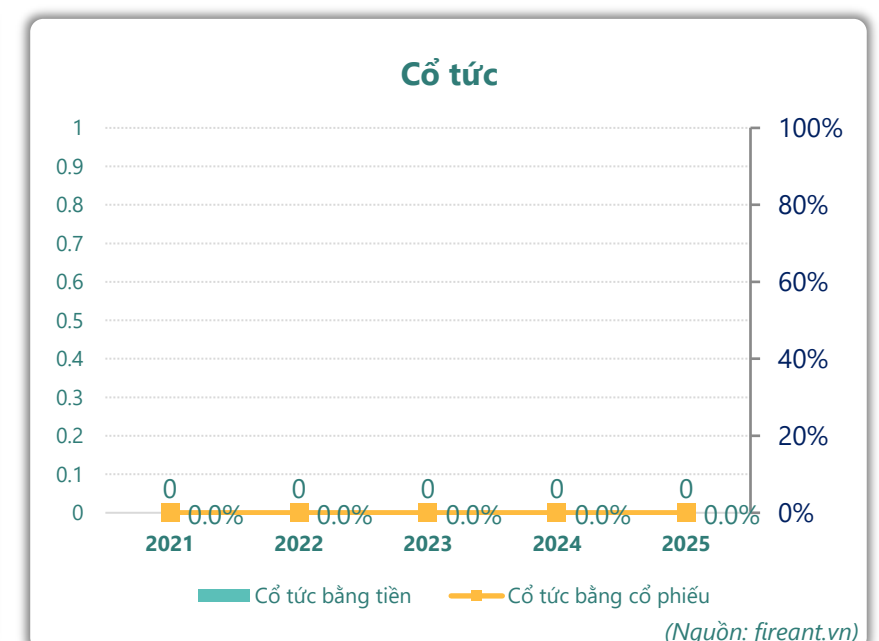
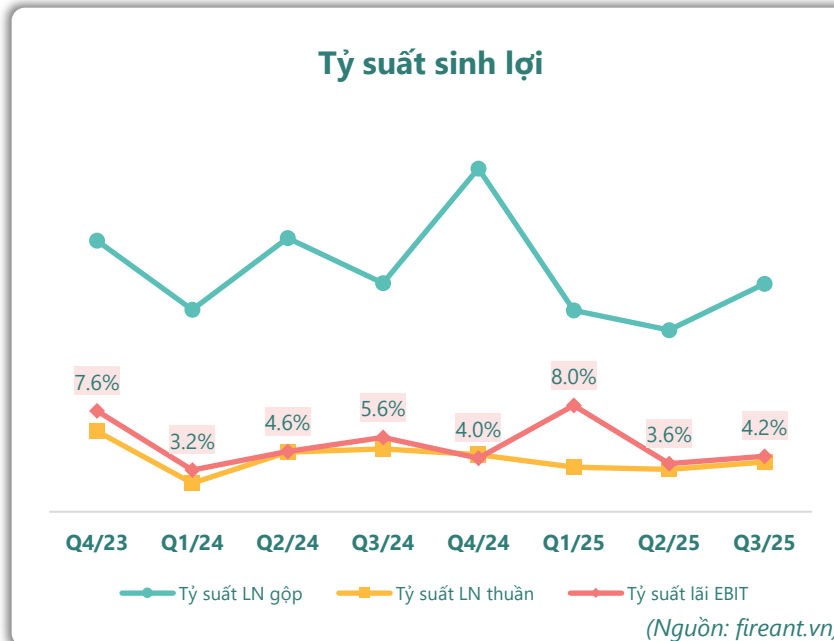
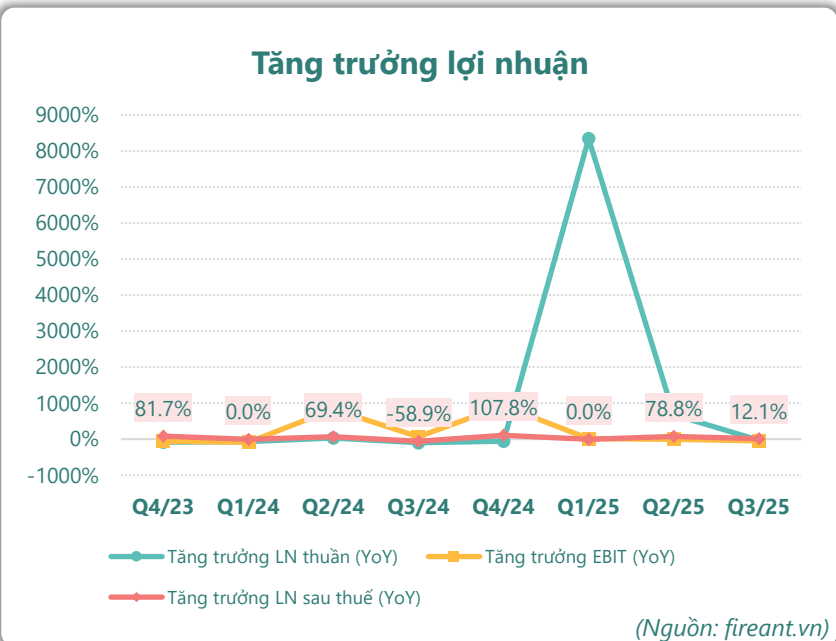
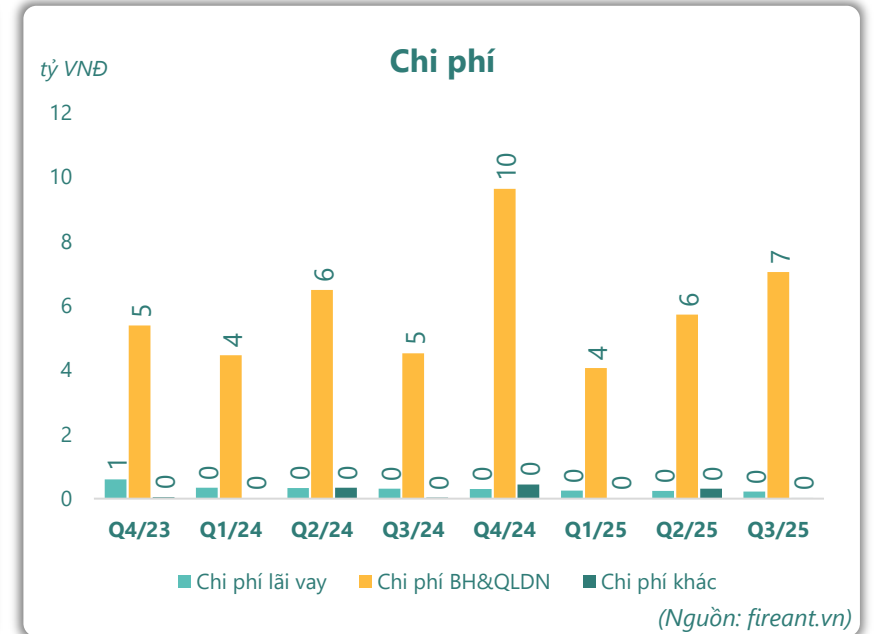
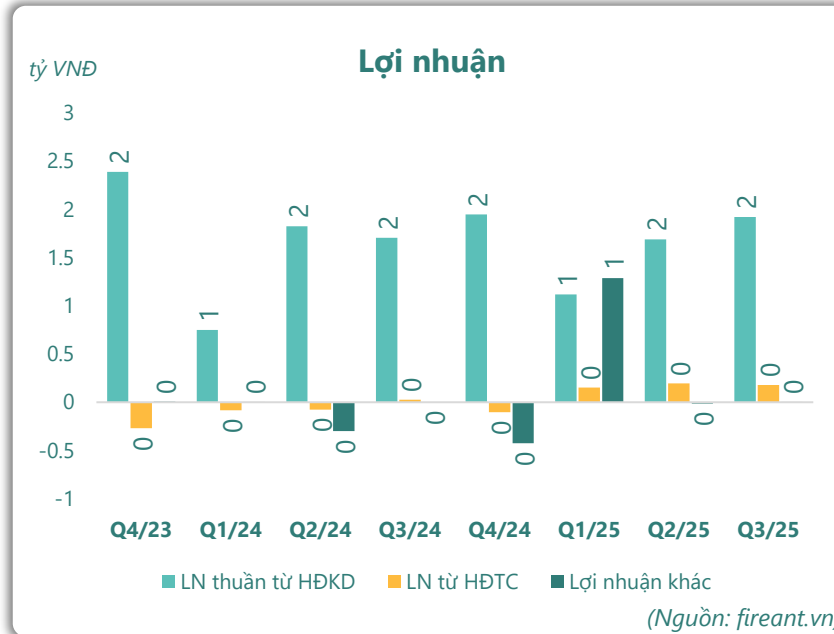
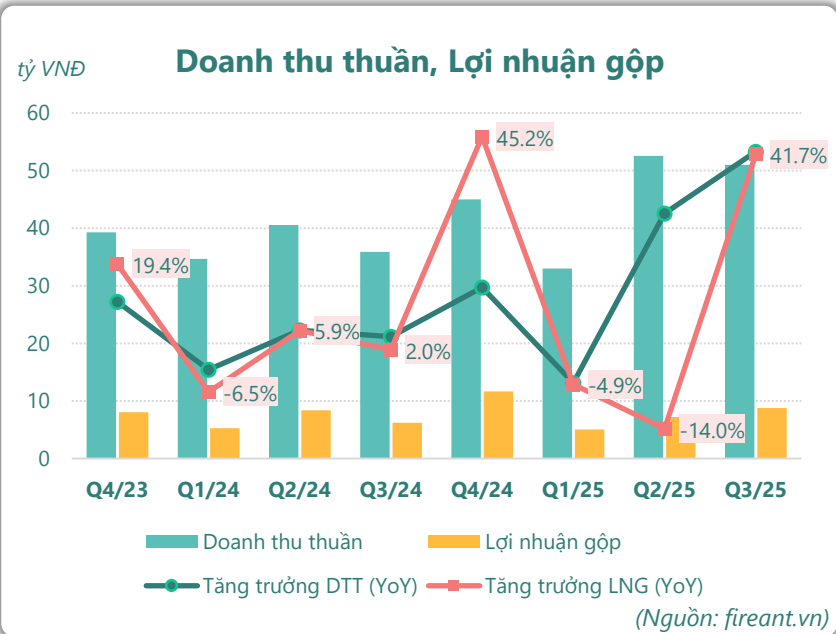
DT thuần 9T 2025
137
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 26.0 23.0%

LN thuần 9T 2025
4.73
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.45 10.5%

LN sau thuế 9T 2025
4.70
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.58 50.5%



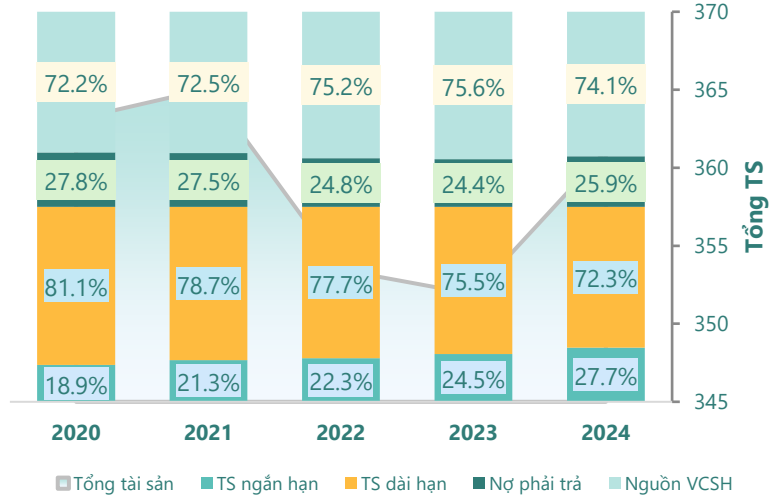
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

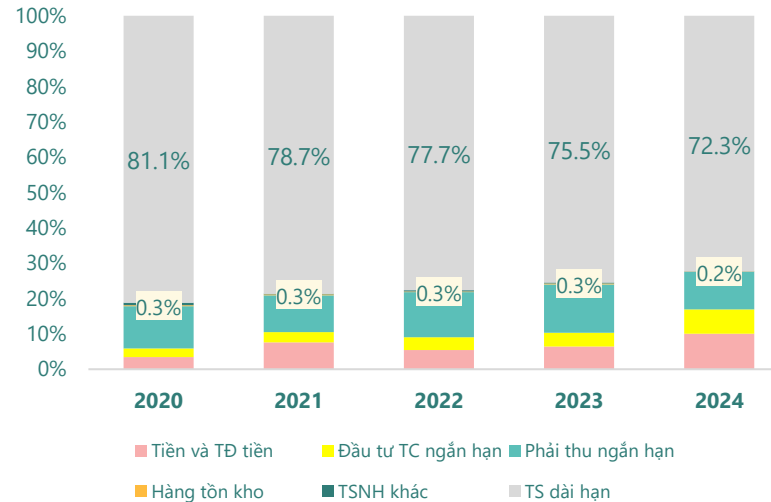
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

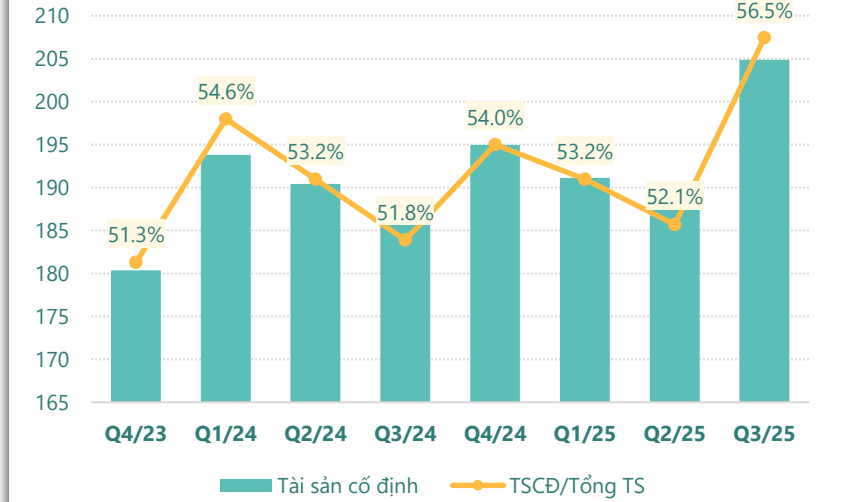
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

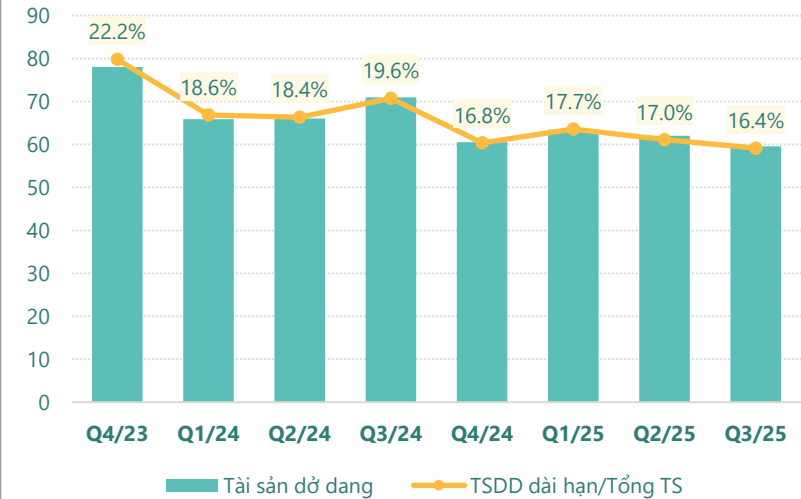
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

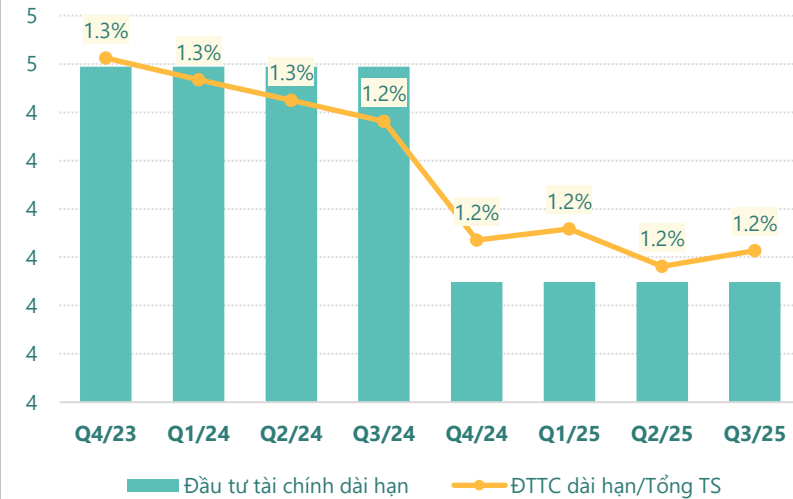
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

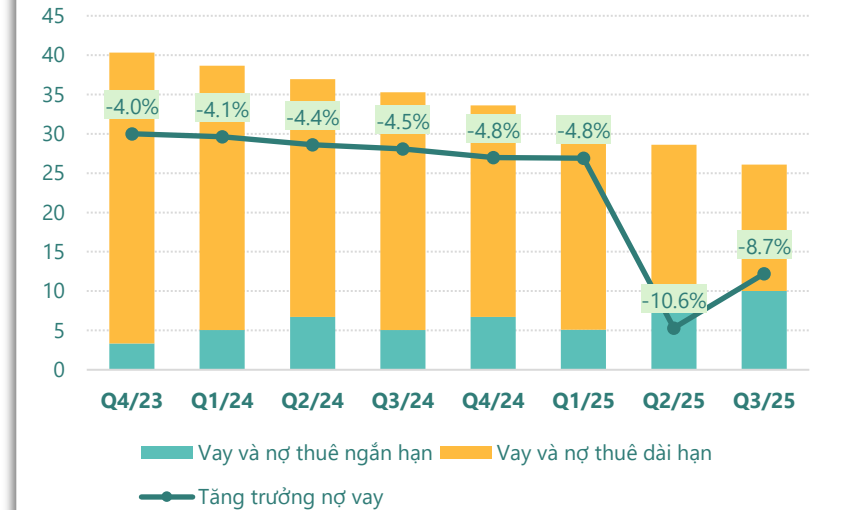
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

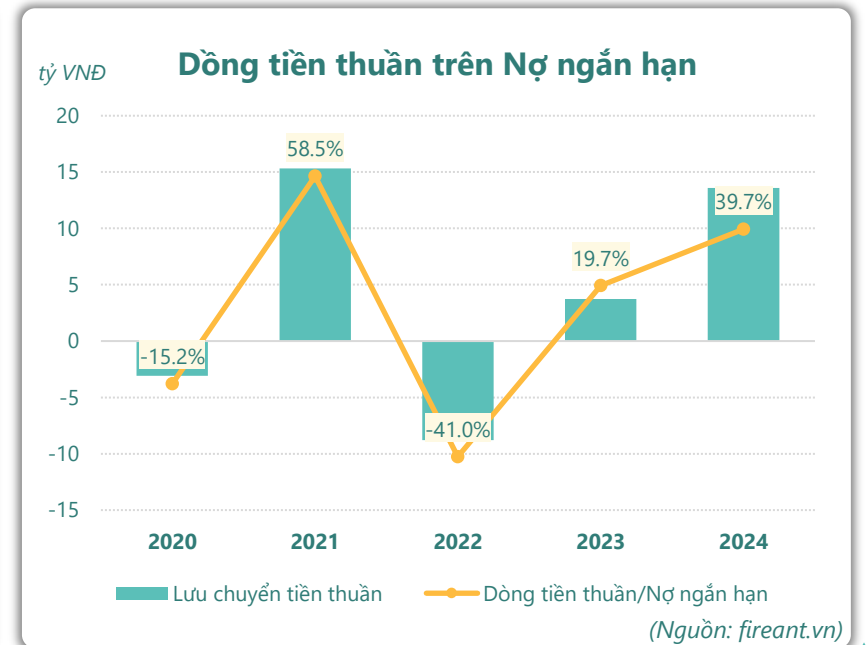
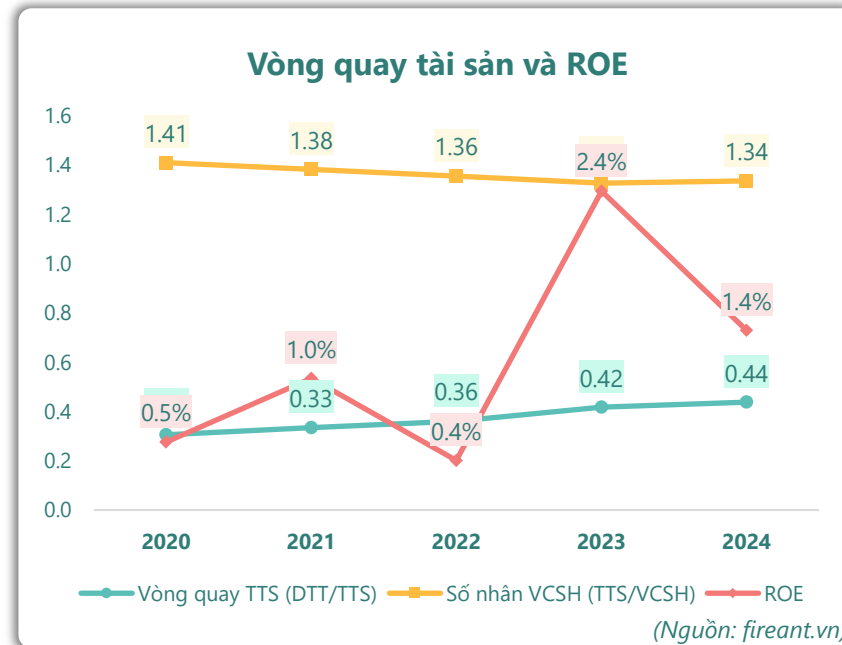
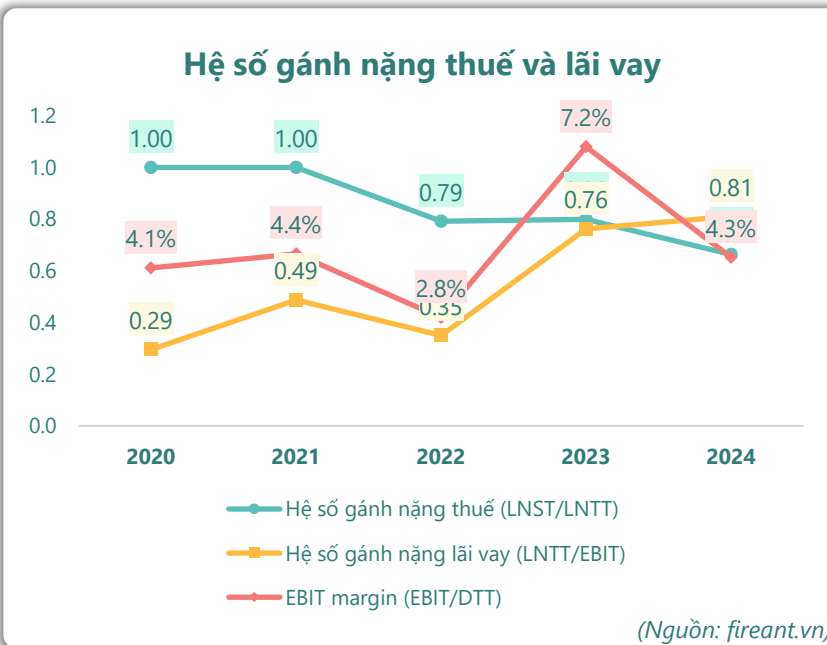
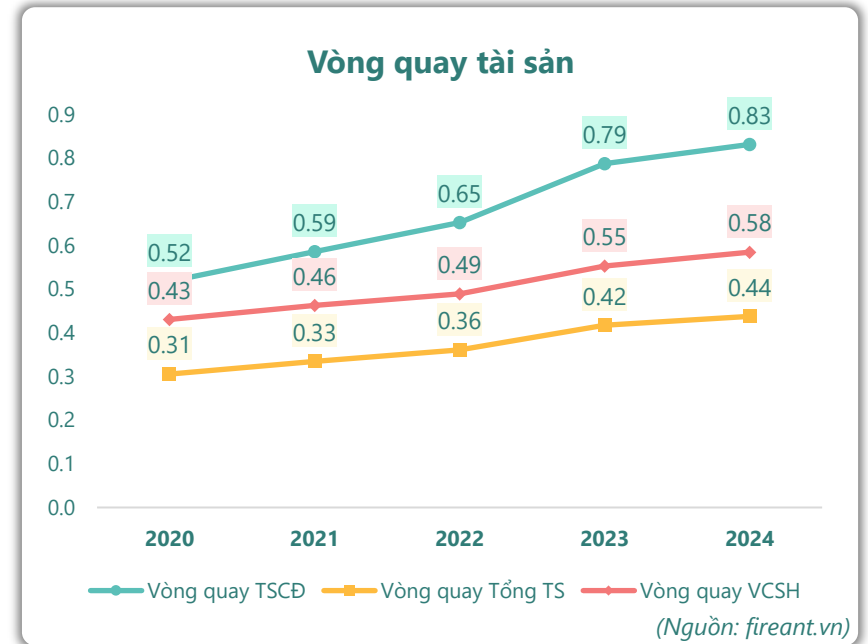
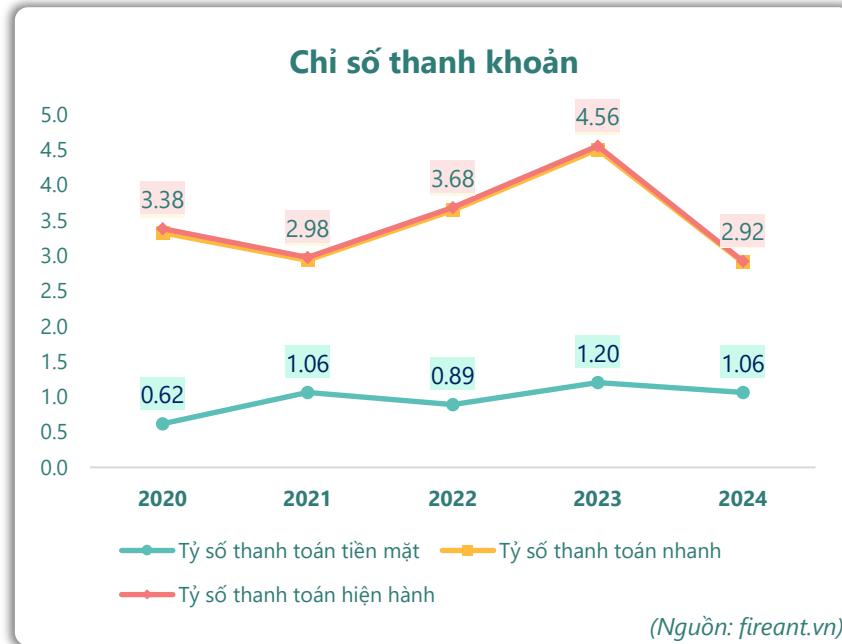
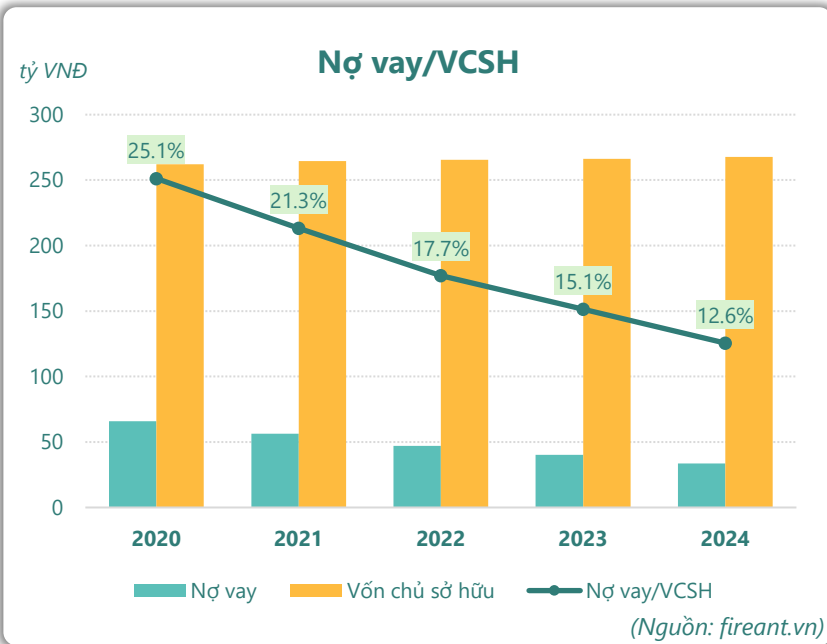
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	51.0	35.9	42.1%	137	111	23.0%
Giá vốn hàng bán	42.2	29.7	42.2%	116	91.2	26.7%
Lợi nhuận gộp	8.79	6.21	41.6%	21.0	19.9	5.8%
Doanh thu HĐTC	0.40	0.34	17.1%	1.24	0.85	46.2%
Chi phí TC	0.22	0.32	-32.0%	0.71	0.98	-27.9%
Chi phí lãi vay	0.22	0.32	-32.0%	0.71	0.98	-27.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.02	0.05	-51.8%	0.15	0.29	-49.4%
Chi phí QLDN	7.03	4.47	57.2%	16.7	15.2	10.0%
LN thuần từ HĐKD	1.92	1.71	12.4%	4.73	4.28	10.5%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		1.28	-0.30	523%
LN trước thuế	1.92	1.70	13.2%	6.01	3.98	50.9%
Lợi nhuận sau thuế	1.54	1.36	13.2%	4.70	3.12	50.5%
LNST của CĐ cty mẹ	1.54	1.36	13.2%	4.70	3.12	50.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.92	16.1	4.64	7.23	-8.11	14.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.89	-13.8	-1.54	-11.5	11.0	-5.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.70	-1.66	-1.70	-1.62	-3.38	-2.50
Tiền đầu kỳ	28.0	34.3	35.0	36.4	30.5	30.1
Lưu chuyển tiền thuần	6.33	0.62	1.41	-5.86	-0.46	6.46
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	34.3	35.0	36.4	30.5	30.1	36.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	363	361	0.5%
Tài sản ngắn hạn	91.8	100	-8.4%
Tiền và tương đương tiền	36.5	36.4	0.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.1	24.9	-47.4%
Phải thu ngắn hạn	40.0	38.0	5.4%
Hàng tồn kho	0.54	0.56	-4.3%
Tài sản ngắn hạn khác	1.56	0.33	379%
Tài sản dài hạn	271	261	3.8%
Phải thu dài hạn	0.07	0.07	0.0%
Tài sản cố định	205	195	5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	59.6	60.6	-1.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.27	4.27	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.13	1.06	100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	90.4	93.5	-3.3%
Nợ ngắn hạn	38.3	34.3	11.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.0	6.72	48.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.6	17.0	-37.7%
Nợ dài hạn	52.1	59.2	-12.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	16.1	26.9	-40.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	272	268	1.8%
Vốn chủ sở hữu	272	268	1.8%
Vốn điều lệ	275	275	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

